

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210. 3911 696

Fax.: 0210. 3911 512



HỒ SƠ
CÔNG BỐ TCCS CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HOÁ
SẢN PHẨM PAC
(POLY ALUMINIUM CHLORIDE)
TCCS 06:2022/HCVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 06:2022/HCVT**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210.3911698

Fax: 0210.3911512

Website: <http://www.vitrichem.vn>

Email: info@vitrichem.vn

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn: TCCS 06:2022/HCVT.

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Polyaluminium chloride (PAC) dạng lỏng (10%; 17%) và PAC 31 dạng bột được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Công ty cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Việt Trì, ngày 17 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Văn Đình Hoan

Số: 64 /QĐ-HCVT

Việt Trì, ngày 17 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành tiêu chuẩn cơ sở
Polyaluminium chloride (PAC)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số: 68/2006/QH11 ngày 12 tháng 7 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số: 30/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số: 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Nghị định số: 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số: 08/VBHN-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 06:2022/HCVT, áp dụng cho sản phẩm Polyaluminium chloride (PAC) dạng lỏng (10%; 17%) và PAC 31 dạng bột được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210. 3911 696

Fax.: 0210. 3911 512



VITRICHEM

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 06:2022/HCVT

PAC

POLY ALUMINIUM CHLORIDE

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
1. Phạm vi áp dụng.....	4
2. Tiêu chuẩn trích dẫn.....	4
3. Yêu cầu kỹ thuật	5
4. Phương pháp lấy mẫu.....	6
5. Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản, tồn trữ	6
5.1 Ghi nhãn.....	6
5.2 Bao gói	7
5.3 Vận chuyển.....	7
5.4 Bảo quản, tồn trữ.....	8
6. Quy tắc an toàn	8

LỜI NÓI ĐẦU

TCCS 06:2022/HCVT thay thế TCCS 06:2021/HCVT.

Cơ quan biên soạn và ban hành: Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì theo Quyết định số: 64 /QĐ-HCVT, ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì.

Polyaluminium chloride - PAC

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Polyaluminium chloride (PAC) dạng lỏng (10%; 17%) và PAC 31 dạng bột được sản xuất tại Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Sản phẩm được sử dụng chủ yếu để xử lý nước uống, nước sinh hoạt, nước công nghiệp, nước thải,...

Công thức phân tử: $[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$

2. Tiêu chuẩn trích dẫn

TCVN 1694:1975	Sản phẩm hoá học - Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu
TCVN 1694:2009	Sản phẩm hóa học sử dụng trong công nghiệp - Kỹ thuật lấy mẫu - sản phẩm hóa học rắn ở dạng hạt từ bột đến tảng thô
TCVN 4851:1989	Nước dùng để phân tích trong phòng thí nghiệm
TCVN 1058:1978	Hoá chất - Phân nhóm và ký hiệu mức độ tinh khiết
TCVN 4374:1986	Thuốc thử - Phương pháp chuẩn bị dung dịch chỉ thị
TCVN 1055:1986	Thuốc thử - Phương pháp chuẩn bị các thuốc thử dung dịch và hỗn hợp dùng trong phân tích
TCVN 5507:2002	Hoá chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, sử dụng, bảo quản và vận chuyển
JIS K 1475:1996 và JIS K 1475:2006	Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản - Poly aluminiumchloride đối với các công trình về nước
IS 15573:2005	Tiêu chuẩn Ấn Độ - Polyaluminium chloride
TCVN 4560:1988	Nước thải - Phương pháp xác định cặn không tan trong nước thải
ISO 17828:2015	Determination of bulk density
ASTM D 4052:18	Standard Test Method for Density, Relative Density, and API Gravity of Liquids by Digital Density Meter

3. Yêu cầu kỹ thuật

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT VÀ MỨC CHẤT LƯỢNG

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật			Phương pháp thử
			Dạng lỏng		Dạng bột	
			Loại 10%	Loại 17%		
1	Ngoại quan	-	Dung dịch màu vàng hoặc vàng nhạt		Bột mịn, màu trắng hoặc vàng nhạt	Quan sát bằng mắt
2	Hàm lượng Al ₂ O ₃	%	≥ 10	≥ 17	≥ 30	- JISK 1475:2006 - IS 15573:2005
3	Độ kiềm	%	≥ 40	≥ 40	≥ 45	- JIS K 1475:2006 - IS 15573:2005
4	Cặn không tan trong nước	%	≤ 0,2	≤ 0,2	≤ 0,5	- JISK 1475:2006 - TCVN 4560:1988
5	pH (dung dịch 1% trong nước)	-	3,5 ÷ 5	3,5 ÷ 5	3,5 ÷ 5	JIS K1475:2006
6	Tỷ trọng (ở 20°C)	-	≥ 1,19	≥ 1,350	-	ASTM D 4052:18
7	Khối lượng riêng	g/cm ³	-	-	≥ 0,67	ISO 17828:2015
8	Hàm lượng Fe	ppm	≤ 100	≤ 100	≤ 200	- JIS K 1475:2006 - IS 15573:2005
9	Hàm lượng As	ppm	≤ 2	≤ 2	≤ 2	- JIS K 1475:2006 - IS 15573:2005 - ICP
10	Hàm lượng Hg	ppm	≤ 0,1	≤ 0,1	≤ 0,1	- JIS K 1475:2006 - IS 15573:2005 - ICP
11	Hàm lượng Pb	ppm	≤ 2	≤ 2	≤ 2	- JIS K 1475:2006 - IS 15573:2005 - ICP

4. Phương pháp lấy mẫu

4.1. Mẫu lỏng

- Mẫu được lấy tại các thùng chứa sản phẩm trước khi xuất bán ngay tại vòi đóng sản phẩm hoặc từng xe của mỗi khách hàng (khi có yêu cầu). Lượng mẫu lấy khoảng 500 ml cho một lần;

- Mẫu được chứa trong chai nhựa (thủy tinh) khô, sạch, có nắp kín và được chia làm 2 phần: 01 phần đem phân tích, 01 phần làm mẫu lưu;

- Mẫu lưu được bảo quản trong chai nhựa (thủy tinh) khô, sạch, có nắp kín và để ở nơi mát, bên ngoài ghi các thông tin:

- + Tên mẫu;
- + Thời gian lấy mẫu;
- + Nhân viên phân tích.

- Thời gian lưu mẫu: Ít nhất 3 ngày.

4.2. Mẫu bột

- Mẫu được lấy theo định kỳ, tần suất quy định trong HCVT.HD.03. Mẫu được lấy tại đầu ra trước khi đóng bao. Lượng mẫu lấy khoảng 500 gam cho một lần;

- Mẫu được lấy trong cùng một lô đựng trong túi PE khô, sạch và được trộn cẩn thận trong túi kín. Sau đó được chia làm 2 phần: 01 phần đem phân tích, 01 phần làm mẫu lưu;

- Mẫu lưu được bảo quản trong 2 lớp túi PE, mỗi túi dán kín riêng rẽ nhau, bên ngoài ghi các thông tin:

- + Tên mẫu;
- + Ký hiệu lô hàng;
- + Thời gian lấy mẫu;
- + Nhân viên phân tích.

- Thời gian lưu mẫu: 1 tuần sau khi xuất hàng.

5. Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản, tồn trữ

5.1 Ghi nhãn

Nhãn hàng hóa được dán hoặc in trực tiếp lên bao bì đối với sản phẩm PAC lỏng và PAC bột đựng trong bao bì đóng gói sẵn hoặc kèm theo tài liệu đối với PAC dạng

lông không bao bì được vận chuyển bằng xi téc thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và các quy định pháp luật liên quan, gồm có các nội dung sau:

- Tên hàng hóa;
- Tiêu chuẩn áp dụng;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Định lượng;
- Ngày sản xuất;
- Hạn sử dụng;
- Thành phần hoặc thành phần định lượng;
- Mã nhận dạng hóa chất (nếu có);
- Hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ (nếu có);
- Biện pháp phòng ngừa (nếu có);
- Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

5.2 Bao gói

5.2.1. Đối với PAC lông

- Bao bì chứa phải làm từ vật liệu chịu được môi trường axit như: nhựa PVC, composite, PTFE, thủy tinh, sành, sứ Đặc biệt không sử dụng bao bì bằng kim loại;
- Nắp đậy bao bì chứa phải kín;
- Trước khi chứa hàng hóa, bao bì phải cọ rửa thật sạch, tránh để lẫn các loại hoá chất khác.

5.2.2. Đối với PAC bột

Sản phẩm được chứa trong 01 lớp bao PE được buộc kín miệng; ngoài cùng là bao P.P, miệng bao được máy băng chỉ khâu bền chắc.

5.3 Vận chuyển

- Có thể vận chuyển sản phẩm bằng các phương tiện giao thông công cộng, phương tiện chuyên dụng nhưng phải được bảo quản như quy định trong điều 5.4;
- Trên đường vận chuyển, chủ phương tiện không đỗ, dừng ở nơi công cộng, đông người;
- Kèm hồ sơ liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành.

5.4 Bảo quản, tồn trữ

- Sản phẩm phải được bảo quản, tồn trữ tại nơi khô, mát, thoáng gió, được che mưa, nắng, nhiệt độ không vượt quá 40⁰C và tránh xa các vật chuyển động như cần cẩu, vận thăng ... có nguy cơ rơi xuống nơi để sản phẩm;
- Đối với PAC dạng bột, bao bì đựng sản phẩm khi bốc xếp phải nhẹ nhàng, tránh làm bục rách túi PE gây hỏng sản phẩm. Các bao chứa có thể xếp chồng lên nhau từ 8 đến 10 lớp;
- Nền nhà nơi bảo quản, tồn trữ phải được làm hay được phủ bằng vật liệu chịu được môi trường axit;
- Cần có các biện pháp để tránh nguy cơ gây nên đổ vỡ, rò rỉ ra ngoài;
- Không bảo quản, tồn trữ PAC chung một nơi với các hóa chất có tính kiềm, axit, kim loại và calcium hypochlorite;
- Thời gian tồn trữ: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

6. Quy tắc an toàn

6.1 Có phiếu an toàn hóa chất kèm theo.

6.2 Nhãn cảnh báo: Trên bao bì phải dán nhãn cảnh báo theo các quy định về an toàn hóa chất.

6.3 Khi sử dụng phải dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân và phải tuân theo các quy định về an toàn hóa chất.

TỔNG GIÁM ĐỐC *Kien* *Chu*



[Signature]
Văn Đình Hoan